

# Phân tích mô hình RBE và 9 nhân tố định hướng đại học nghiên cứu tại Việt Nam

Phạm Quang Huy\*

*Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh,  
279 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 12 tháng 06 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 21 tháng 8 năm 2013; chấp nhận đăng ngày 04 tháng 12 năm 2013

**Tóm tắt:** Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong ba hoạt động then chốt của một trường đại học. Hoạt động NCKH có phát triển mạnh mẽ cả về số lượng lẫn chất lượng sẽ làm cho các trường tiến nhanh trong quá trình phát triển của mình trong nước cũng như trên toàn cầu, trong đó Việt Nam cũng không ngoại lệ. Việc NCKH này lại càng trở nên quan trọng đối với các trường đại học theo hướng nghiên cứu vì nó đem lại một sự phát triển bền vững cho sự nghiệp giáo dục của một trường và một quốc gia. Với ý nghĩa trên, bài viết này nhằm giới thiệu một mô hình mới được đưa ra bởi một số trường đại học tiên tiến trên thế giới vào năm 2012 về quy trình và cách thức hoạt động NCKH trong các trường đại học, đó là mô hình giáo dục dựa trên cơ sở nghiên cứu (Research Based Education - RBE). Thông qua mô hình này, tác giả trình bày rõ những nội dung cơ bản đối với quy trình chung của một nghiên cứu khoa học cho giảng viên, từ đó tiến hành phân tích 9 nhân tố tác động đến một trường đại học nghiên cứu tại Việt Nam trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Đại học nghiên cứu, chuẩn mực giáo dục, giáo dục quốc tế, mô hình RBE, nghiên cứu khoa học.

## 1. Đặt vấn đề

Theo dòng thời gian, lịch sử của toàn nhân loại đã thật sự chứng minh được rằng sự tồn tại cũng như sự phát triển không ngừng của bất kỳ xã hội nào thì hầu hết đều xuất phát từ quá trình nghiên cứu và khám phá khoa học kỹ thuật. NCKH thật sự trở nên cần thiết đối với các trường đại học, cao đẳng nói riêng cũng như tất cả các cơ sở giáo dục đào tạo nói chung của một quốc gia, bởi lẽ quá trình NCKH là một hoạt động có sự tương tác hai chiều với quá

trình giảng dạy của giảng viên (Ngô, 2012 & Lê, 2011). Một bài giảng thuyết phục phải là kết quả của một thái độ hoạt động nghiên cứu nghiêm túc và công phu, như một công trình nghiên cứu để cho sinh viên và thế hệ đi sau học tập, tham khảo (Nguyễn, 2012). Qua nội dung và kiến thức truyền đạt cho người học, giảng viên sẽ xác định được những khoảng trống trong nghiệp vụ chuyên môn, từ đó tiến hành tìm hiểu thông qua hoạt động nghiên cứu để giúp cho bản thân có được câu trả lời những vấn đề đang cần được tháo gỡ (Đường, 2004). Bên cạnh đó, bản chất của NCKH lại chính là một hoạt động tìm tòi, sáng tạo, phát minh ra

\* ĐT: 84-908231260

E-mail: pquanghuy@ueh.edu.vn

những kiến thức, những mô hình mang tính thực tiễn và có khả năng áp dụng (Phạm, 2012). NCKH là một hoạt động trí tuệ giúp mỗi cá nhân có thể vận dụng những chuyên môn đã được học tập, những tri thức đã tích lũy được trong quá khứ để tiến hành nhận thức những điều mới, từ đó đào sâu và đưa ra những nội dung giải pháp mang tính chất thực tiễn giúp giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó. Do đó, NCKH lại càng trở nên vô cùng quan trọng đối với đội ngũ giảng viên tại các trường đại học ở các nước, trong đó các trường của Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng tất yếu đó.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 11 năm 2008 về việc Ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên. Đây được xem là một văn bản đánh dấu mốc trong việc xác định việc NCKH là một hoạt động không thể thiếu trong nhà trường và đối với đội ngũ giảng viên (Vu, 2013) quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của giảng viên và của một trường đại học trong việc cung cấp những sản phẩm trí tuệ cho xã hội.

Tuy nhiên, dù có ý nghĩa và quan trọng nhưng hoạt động NCKH vẫn còn được thực hiện với một quy mô khiêm tốn. Trong hội thảo “Giải pháp tạo động lực cho giảng viên đại học tham gia nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ” do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức ngày 18.12.2010 cho biết hiện nay chỉ có 28,4% giảng viên tham gia hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ, trong đó giảng viên trẻ cũng chiếm một tỉ trọng tương đối nhỏ trong con số chung này vì những nguyên nhân khác nhau (Vy, 2012). Do đó, bài viết này tác giả giới thiệu một mô hình mới được áp dụng trong những năm gần đây tại các trường đại học tiên tiến trên thế giới, đó là mô hình giáo dục trên cơ sở nghiên cứu, qua đó sẽ giúp hình thành cơ bản hệ thống các trường đại học nghiên cứu tại Việt Nam theo xu hướng hội nhập quốc tế,

đồng thời bài viết cũng hướng đến mục tiêu xác định 9 nhân tố tác động đến việc hình thành một trường đại học nghiên cứu, đó là mô hình 3P-3E-3M, từ đó đề ra một số giải pháp cơ bản để thực hiện được trên thực tế hiện nay.

## 1. Tổng quan lý thuyết về nghiên cứu khoa học

Dựa vào những khảo sát đã thực hiện trong các công trình khoa học, việc nghiên cứu chỉ tập trung vào một số giảng viên trong trường hoặc khoa, mức độ đa dạng và lan tỏa chưa cao (Huy, 2013). Theo ý kiến của các giảng viên, một trong những nguyên nhân mà hiện nay chưa thực hiện nhiều các NCKH là do họ chưa có sự hiểu biết đầy đủ thế nào là một NCKH, nội dung của các bước cũng như quy trình thực hiện như thế nào. Do đó, phần này nhằm tổng quát hóa lại những điểm chính về phương diện lý thuyết đối với một NCKH nhằm tạo ra sự hiểu biết ban đầu cho đội ngũ này. Thật vậy, NCKH là công việc đi tìm lời giải thích và thực hiện các dự báo cho các câu hỏi mà khoa học và thực tiễn chưa có đáp án nhằm góp phần gia tăng tri thức nhân loại (Mark & Alan, 2006).

*Như vậy điều đầu tiên cần tìm hiểu chính là xác định nghiên cứu là gì?*

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thì nghiên cứu được xem là một quá trình điều tra về kiến thức thông qua hoạt động soát xét hoặc tìm hiểu hoặc thực nghiệm nhằm mục tiêu phát hiện hay phân tích một kiến thức mới. Theo Redman và Mory (2009) thì nghiên cứu là một nỗ lực mang tính có hệ thống nhằm đạt được kiến thức mới nào đó. Còn đối với Từ điển Advanced Learners (2011) thì nghiên cứu là một cuộc điều tra cẩn thận thông qua quá trình tìm kiếm những sự thật mang tính mới trong một phần nào đó của kiến thức. Đối với Giáo sư Clifford Woody (2012), Trường Đại học Michigan thì nghiên cứu bao gồm việc định

nghĩa hay tìm ra những định nghĩa mới về các vấn đề, hình thành nên các giả thuyết hay các giải pháp, từ đó thu thập, tổ chức và đánh giá dữ liệu. Ngoài ra trên thế giới còn rất nhiều định nghĩa khác nhau về thế nào là một nghiên cứu, tuy nhiên, tóm lại thì nghiên cứu là một phần đóng góp mới đối với những kiến thức đã sẵn có thông qua những hành động cụ thể nhằm minh chứng cho nội dung đó.

Chính vì điều này nên nghiên cứu có mục tiêu và tầm quan trọng vô cùng lớn lao đối với cá nhân thực hiện, đối với đơn vị và cả đối với xã hội. Có thể thấy rằng, cả thế giới đang đối diện với một tốc độ phát triển vô cùng nhanh chóng, các kiến thức mới, nhiều thành tựu công nghệ mới đã làm cho xã hội tiếp tục đẩy nhanh chất lượng sống. Chính vì điều này, mô hình học tập theo dạng thu thập kiến thức một lần đã không còn phù hợp. Mỗi người luôn phải tự tìm ra cho mình những kiến thức riêng biệt, những hướng đi khác và mang tính chất riêng, những kiến thức chuyên sâu hơn so với những gì đã cung cấp. Tất cả những điều đó sẽ được hoàn thiện thông qua quá trình nghiên cứu khoa học. Hoạt động nghiên cứu sẽ kết nối cá nhân trong cộng đồng, các cơ sở giáo dục và toàn xã hội, giúp cho quốc gia có thể phát triển một cách nhanh chóng và bền vững.

Để có thể đảm bảo chất lượng của một NCKH trong nhà trường hay bất kì tổ chức nào thì các nhà nghiên cứu nên hướng đến 6 đặc điểm chính mà một NCKH phải đạt được trong lúc thực hiện, đó là:

- Được kiểm soát (*Controlled*): trong mỗi nghiên cứu cần phải biết rằng sẽ có rất nhiều nhân tố ảnh hưởng đến kết quả đầu ra. Việc kiểm soát này được hiểu là làm sao người thực hiện nghiên cứu sẽ làm cho tối thiểu hóa các ảnh hưởng của những nhân tố khác đến mối quan hệ giữa các thành phần trong nghiên cứu đang triển khai.

- Sự nghiêm ngặt (*Rigorous*): nhà nghiên cứu phải thận trọng trong việc đảm bảo rằng các bước thực hiện cho việc tìm ra câu trả lời sẽ có sự liên quan, phù hợp và hợp lí; trong đó sự chặt chẽ phải luôn được quan tâm từ lúc bắt đầu hình thành ý tưởng đến lúc có được kết quả, giải pháp hay các chính sách khuyến nghị.

- Mang tính hệ thống (*Systematic*): điều này ngụ ý rằng các thủ tục hay các nội dung cần được lựa chọn nên đảm bảo sự logic, sự phù hợp giữa các bộ phận khác nhau trong khi tư duy và trong lúc vận dụng.

- Hợp lệ và có thể kiểm chứng (*Valid and verifiable*): điều này được hiểu là những gì mà nhà nghiên cứu kết luận dựa trên kết quả thu thập được cần có sự chính xác và có thể dễ dàng kiểm tra lại bởi chính bản thân hoặc các cá nhân, tổ chức khác.

- Mang tính thực nghiệm (*Empirical*): bất kỳ kết luận nào được rút ra nên được dựa trên những bằng chứng rõ ràng từ những thông tin thu thập hay những quan sát, thực nghiệm có thật trong cuộc sống.

- Mang tính phản biện (*Critical*): các bước thực hiện nên được xem xét liên tục, qua lại, để xem có những hạn chế nào phát sinh, đồng thời luôn đặt ra những câu hỏi để phản biện vấn đề đặt ra.

Nếu như các NCKH luôn được thực hiện cũng như bám sát theo 6 đặc điểm trên thì quá trình nghiên cứu sẽ đạt được những kết quả một cách toàn diện như đã xác định với một mức độ chất lượng theo đúng phần giả định đã đề ra (McCallister, 1993).

## 2. Mô hình giáo dục dựa trên nghiên cứu

Sau khi đã nhận thức được đầy đủ thế nào là một nghiên cứu thì các trường sẽ tiến hành chuyển tải thông tin trên để làm cơ sở cho việc hình thành trường nghiên cứu tại Việt Nam. Nội

dung quan trọng chính là mô hình thực hiện và kinh nghiệm áp dụng tại các quốc gia. Một trong số đó chính là mô hình giáo dục dựa trên cơ sở nghiên cứu (RBE). Đây là mô hình do chính Trường Đại học Quốc gia Úc (ANU) giới thiệu vào ngày 05.03.2012 tại “Hội nghị về công nghệ và khoa học” tổ chức tại Bắc Kinh về quá trình thực hiện NCKH. Nghiên cứu là một chu trình thu thập, phân tích, diễn giải thông tin nhằm trả lời cho các câu hỏi đặt ra trong lúc tiếp nhận các kiến thức khoa học sẵn có tại nhà trường (Nvard & Here, 2012). Thật vậy, các trường đều biết rằng phải thực hiện nghiên cứu đối với lĩnh vực chuyên môn mà trường đảm nhiệm, tuy nhiên do những khó khăn và hạn chế dẫn đến nên việc nghiên cứu của trường chỉ phát triển mạnh mẽ ở các quốc gia đã phát triển, trong khi nhóm các nước còn lại vẫn gặp một số trở ngại (Bui, 2011). Mô hình này đã xác định rõ những hạn chế của việc NCKH như sau:

- Về tính hữu hiệu của nghiên cứu: tính chất này thường do thiếu hệ thống số liệu đầy đủ cho một cơ sở giáo dục, sự không cân xứng giữa ngân sách và khả năng hoạt động, sự không đồng bộ giữa các khoa, các trường trong cùng một hệ thống.

- Về tính hiệu quả và chất lượng: kiến thức đầu vào chưa đủ để xác định vấn đề, quá trình xử lý và nghiên cứu chưa có định hướng cũng như con đường đi đúng và đầu ra chưa thể hiện được kết quả nghiên cứu hoặc nội dung viết chưa thể hiện vấn đề.

- Về nguồn vốn và dữ liệu: mức ngân sách luôn hữu hạn, phân bổ chưa đồng đều và còn mang tính định tính, ảnh hưởng của văn hóa, chính trị và kinh tế xã hội, cơ sở dữ liệu chưa được thiết lập và có sự đầu tư đúng mức.

Soạn thảo, xin ý kiến đối với những quy định về mặt pháp lý trong nhà trường cho hoạt động NCKH và hoạt động khác có tính chất nghiên cứu, đồng thời ban hành rộng rãi và truyền thông trong toàn bộ nhà trường.



Sơ đồ 1: Quy trình của một nghiên cứu khoa học.

- Cung cấp cho giảng viên, cán bộ trong cơ quan một quyển cẩm nang hoặc tài liệu hướng dẫn về cách thức nghiên cứu khoa học.

- Thường xuyên tổ chức các buổi báo cáo chuyên đề, các buổi hội thảo để cho đội ngũ giảng viên có thể thích nghi và gắn kết với hoạt động NCKH.

- Các trường cũng như các khoa có chuyên ngành khác nhau cần có những bước giới thiệu phương pháp NCKH theo từng lĩnh vực cụ thể, theo từng nhóm ngành nghề.

- Đưa ra quy định về các hình thức kỉ luật khác nhau đối với những thầy cô không có tham gia bất kì hoạt động NCKH nào trong vòng 2 năm gần nhất.

- Thực hiện việc kê khai, đánh giá, khen thưởng hàng năm đối với hoạt động NCKH.

- Thời gian hoạt động nghiên cứu khoa học có thể được quy đổi thành thời gian giảng dạy và có thể chuyển đổi thành thu nhập của người lao động.

Đặc biệt đối với nội dung của NCKH thì mô hình cho rằng đây là phần quan trọng nhất vì theo đánh giá việc nghiên cứu tại các trường nếu chưa thể phát triển là do chưa có đầy đủ sự hiểu biết và nhận thức về một NCKH. Để khắc phục điều này, mô hình đã đưa ra quy trình NCKH theo một sơ đồ biểu hiện sự tương tác

và khép kín. Với sơ đồ quy trình theo Sơ đồ 1 trên, mô hình này đã đưa ra 9 bước cụ thể để thực hiện một NCKH theo một trình tự như sau:

- [1] Lựa chọn chủ đề và một mẫu quan sát để nghiên cứu
- [2] Xem xét lại toàn bộ lí thuyết có liên quan
- [3] Tập trung vào câu hỏi nghiên cứu
- [4] Thiết lập sự tương xứng giữa chủ đề với mẫu khảo sát
- [5] Thiết kế nghiên cứu
- [6] Thu thập dữ liệu làm bằng chứng
- [7] Phân tích những điều thu được
- [8] Giải thích những nội dung tìm được
- [9] Báo cáo kết quả đạt được cho những đối tượng khác nhau

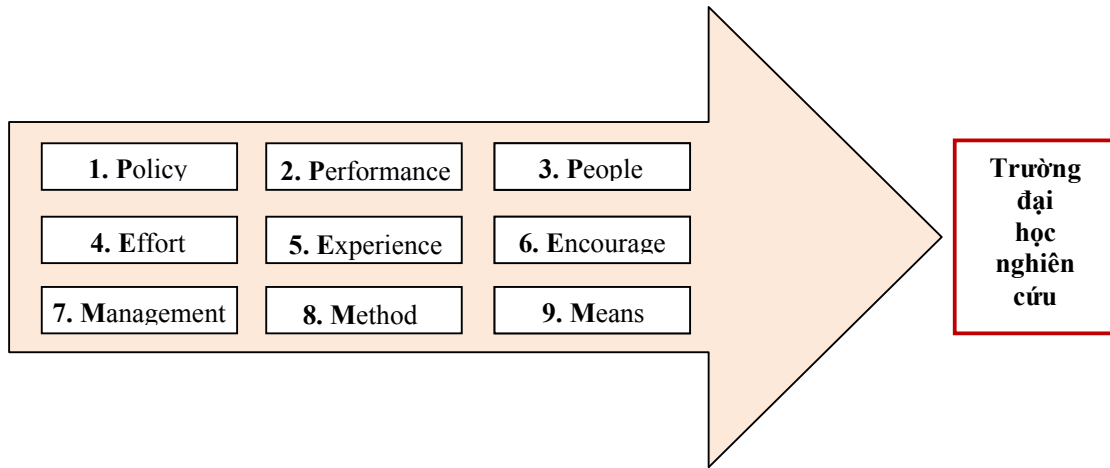
Nếu như đội ngũ giảng viên có thể theo mô hình này trong quá trình nghiên cứu thì sẽ dễ dàng hơn phần nào cũng như đạt được hiệu quả mà bản thân mong đợi.

### **3. Giải pháp 3P-3E-3M cho việc nghiên cứu của trường đại học nghiên cứu**

Dù ở bất kì quốc gia nào và ngay cả tại Việt Nam, đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng được xem là bộ ba hoạt động làm cơ sở đánh giá sự thành công của một trường đại học

hoặc cao đẳng nào đó. Các nhà nghiên cứu hàng đầu trên thế giới đều khẳng định rằng nghiên cứu là yếu tố sinh tồn và là điều sống còn của một trường đại học theo hướng nghiên cứu hàn lâm. Hơn thế nữa, việc NCKH cần phải được thực hiện bởi toàn thể đội ngũ giảng viên của nhà trường và họ phải cố gắng tham gia vào quá trình chung đó.

Tuy nhiên, vấn đề khó khăn nhất trong đội ngũ giảng viên nói riêng và cộng đồng của toàn trường, đó chính là chưa nhìn nhận được các lỗ hổng trong các nghiên cứu hiện tại. Hay nói một cách khác, hầu hết giảng viên đều nhận thức được việc nghiên cứu là điều cần thực hiện, nhưng chưa thể thực hiện được vì không xác định được vấn đề cần nghiên cứu về cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Với vai trò là một trong những giảng viên trẻ cùng một số kinh nghiệm của bản thân khi đã từng có một số ít các đề tài NCKH về giáo dục trong nước cũng như trên thế giới, đồng thời dựa trên mô hình RBE nêu trên, phần này xin đưa ra giải pháp để xây dựng một trường đại học nghiên cứu bằng cách chú ý, tác động và thay đổi đến 9 nhân tố chi phối quá trình hình thành và phát triển. Chín nhân tố này sẽ kết hợp và hình thành nên mô hình 3PEM đang được một số quốc gia sử dụng trong quá trình cải cách hệ thống giáo dục. Cụ thể những nhân tố này được thể hiện thông qua sơ đồ sau:



Từ đó, theo mô hình RBE và các nghiên cứu do tác giả thực hiện thì các yếu tố này được hiểu như sau:

- Chính sách (*Policy*): đây được hiểu là các chính sách được các cơ sở nơi mà người nghiên cứu làm việc hỗ trợ. Nó được thể hiện thành những quyết định, thông báo hay công văn của nhà trường nhằm giúp cho giảng viên có thêm những điều kiện hơn nữa, những lợi ích từ hữu hình đến vô hình, giúp giảng viên có động lực và định hướng rõ ràng hơn.

- Hành động (*Performance*): bất kì công việc nào khi thực hiện đều có kế hoạch đề ra cùng với những bước chi tiết trong quá trình hoạt động để đạt được mục tiêu đề ra. Trong quá trình chuyển đổi sang hướng nghiên cứu, các hành động cụ thể và thước đo rõ ràng sẽ giúp nhà trường có những đánh giá, nhận định cũng như những thay đổi mang tính thích hợp hơn với điều kiện thực tế.

- Con người (*People*): bất kì hoạt động nào thì con người luôn được xem là nhân tố trung tâm, mà đặc biệt là hoạt động nghiên cứu thì vai trò con người hay nói một cách cụ thể chính là đội ngũ giảng viên, cán bộ viên chức lại càng trở nên quan trọng. Nhà trường cần có những định hướng để phát triển và củng cố đội ngũ nhằm phát triển bền vững và dài hạn.

- Nỗ lực (*Effort*): mô hình trường đại học nghiên cứu tại Việt Nam được đánh giá là sẽ đối diện với những thách thức không nhỏ. Điều này sẽ dễ dàng vượt qua hơn phần nào nếu tập thể nhà trường có sự nỗ lực không ngừng trong quá trình thực hiện.

- Kinh nghiệm (*Experience*): việc học tập kinh nghiệm của các trường đại học tại các quốc gia trong khu vực cũng như các nước phát triển trên toàn thế giới. Điều này giúp các trường Việt Nam tận dụng những kết quả đã đạt được, vận dụng trong điều kiện của quốc gia.

- Động viên (*Encourage*): sự đồng thuận và động viên của đội ngũ quản lí và toàn thể giảng viên. Sự động viên còn được hiểu chính là yếu tố về mặt tinh thần trong việc cùng nhau vượt qua những khó khăn gặp phải trong quá trình thực hiện.

- Quản lí (*Management*): quản lí thể hiện qua vai trò của nhà lãnh đạo trong tổ chức. Đây được xem là bộ phận hướng dẫn, chỉ đạo các bước, các công việc diễn ra trong lúc chuyển đổi sang mô hình mới. Để quản lí hiệu quả thì đội ngũ lãnh đạo cần nâng cao kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm và nhận thức về một sự thay đổi mới.

- Phương pháp (*Method*): vấn đề về nghiên cứu khoa học, thực hiện giảng dạy hay

bất kì nội dung nào cũng cần có phương pháp thực hiện đem lại sự hiệu quả cho nhà trường. Vì điều này, các trường cần tìm hiểu những phương thức phù hợp để áp dụng vào các phòng, ban, khoa sao cho đạt được mức độ tối ưu nhất.

- Phương tiện (*Means*): đây được hiểu là những công cụ khác nhau phục vụ cho quá trình chuyên đổi. Nó có thể là nguồn kinh phí thực hiện, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống thư viện... Toàn bộ những phương tiện này cần được kết hợp đồng bộ và hướng đến mục tiêu chung của tổ chức.

Mô hình 9 nhân tố trên được tác giả đúc kết dựa trên của hướng dẫn theo RBE cùng với những kinh nghiệm thực tiễn của bản thân, giảng viên và các trường sẽ có những cơ sở về mặt khoa học đầu tiên, giúp hình thành dần ý tưởng và đi đến định hình những hành động cụ thể trong việc nghiên cứu của mình, bởi lẽ NCKH sẽ giúp cho các giảng viên mở rộng hơn vấn đề chuyên môn đang phụ trách, bài giảng trước người học sẽ hấp dẫn, sinh động hơn, đồng thời có cơ hội tập hợp, tích lũy kiến thức mới, từ đó khẳng định năng lực bản thân trước sinh viên, trước nhà trường và xã hội. Và đây chính là những tế bào đầu tiên vững chắc để hình thành nên một trường đại học nghiên cứu tại Việt Nam.

### Lời kết

Thông qua nội dung của bài viết, tác giả đã khái quát hóa những lý thuyết cơ bản nhất của một NCKH, sáu đặc điểm chính mà một nghiên cứu cần có. Thêm vào đó, bài viết đã trình bày rõ mô hình mà các trường ở Việt Nam nên định hướng để hướng đến trong thời gian tới, đó là RBE. Mô hình RBE này đã nêu, trình bày một cách khá chi tiết các vấn đề mà trường đại học đang gặp phải cũng như những nội dung mà những trường cần thực hiện. Mô hình này đã

chi rõ những hạn chế mà các giảng viên nói chung và giảng viên trẻ nói riêng gặp phải mặc dù vẫn có khá nhiều giảng viên có dành sự quan tâm đối với vấn đề NCKH. Bên cạnh đó, mô hình cũng đã vạch ra được một quy trình NCKH vừa tổng quát theo một sơ đồ nhưng lại mang tính cụ thể đến từng bước trong việc tiến hành một nghiên cứu. Từ đó, 9 nhân tố 3PEM mà tác giả đã rút ra sẽ được xem như là những nhân tố mà các trường có thể dựa vào đó để đề xuất những giải pháp phù hợp xoay quanh những yếu tố đó. Tất cả điều này sẽ tạo nên những bước đi đồng bộ hơn đối với việc NCKH trong đội ngũ giảng viên tại các trường trong tương lai.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Thị Thu Trang, Một vài suy nghĩ về vấn đề nghiên cứu khoa học đối với giảng viên trẻ của Trường Chính trị Tô Hiệu, Nội san Trường Chính trị Tô Hiệu, Số 4 (2011) 13.
- [2] Day & Gastel, How to write and Publish a Scientific Report, Greenwood Press, UK, 2006.
- [3] Dương Ngọc Dũng, Nghiên cứu khoa học ở đại học, Vietbao của Tuổi Trẻ, số 34 (2004) 1.
- [4] Goddard, W. & Melville, S., Research Methodology: An Introduction, Lansdowne: Juta and Company Ltd, 2004.
- [5] Lê Đình Viên, Đừng coi nhẹ nghiên cứu khoa học của sinh viên, Tạp chí quản lý giáo dục, số 2 (2011) 20.
- [6] Marczyk, M., DeMatteo, K. & Festinger, N., Essentials of Research Design and Methodology, John Wiley and Sons, 2005.
- [7] Mark E. W. & Alan R. C, A Report on Research Activities at Research Universities, Research Management Review, vol. 15, no. 1, Winter/Spring 2006.
- [8] McCallister, M. M. C., Forging Partnerships between Researchers and Research Administrators through Orientation Programs, SRA Journal, vol. 25, no. 1, pp. 17-21, 1993.
- [9] Ngô Văn Quyết, Nghiên cứu khoa học trong sinh viên phải có mục đích rõ ràng theo các năm học, Tạp chí nghiên cứu khoa học, số 1 (2012) 1
- [10] Nguyễn Quốc Vỹ, Vì sao các nhà khoa học Việt ít có bài đăng trên tạp chí quốc tế, Luận án tiến sĩ tại Đại học Sư phạm Weingarten, Đức, 2012.

- [11] Nguyễn Văn Đạo, Vài suy nghĩ về giáo dục và đào tạo phục vụ cho phát triển, *Bản tin Đại học Quốc gia*, số 250 (2012) 16.
- [12] Nvard M. & Here, A, Research-based Education: strategy and implementation, Seminar for Bologna and higher education reform experts, Budapest, November 3-5, 2012.
- [13] Phạm Quang Huy, Nghiên cứu khoa học trong giảng viên trẻ, *Kỷ yếu Hội nghị nghiên cứu khoa học toàn quốc lần 2*, số 1 (2012) 9.
- [14] Phạm Tất Dong, Đổi mới tư duy khoa học, *Tạp chí khoa học giáo dục*, số 9 (2012) 11.
- [15] Redman, L. V & Mory, A. V. H., *The Romance of Research*, Baltimore: TheWilliams & Wilkins Co, 2009.
- [16] TCP, Implementation Plan for Introducing Research Based Education to the Master's Program under, Technical Cooperation Project for Capacity Building of HCMC University of Technology to Strengthen University Community Linkage, 2009.
- [17] Vũ Ngọc Hải, Về nghiên cứu khoa học giáo dục ở nước ta, *Tạp chí quản lý giáo dục*, số 44 (2013) 32.

## Analysis the RBE Model and Nine Factors Oriented to Research Universities in Vietnam

Phạm Quang Huy

*University of Economics Hồ Chí Minh City - UEH,  
No. 279 Nguyễn Tri Phương Street, Ward 5, District 10, Hồ Chí Minh City, Vietnam*

**Abstract:** Scientific research is one of three key activities at a university. Its activities which have developed tremendously both in quantity and quality will make the universities to advance fast in its development process in the country as well as globally, of which Vietnam is no exception. The scientific research also became more important for research-oriented universities because it provides a sustainable development for the education of a school and a country. With the above significance, this paper introduces a new model which is given by a number of advanced universities in the world in 2012 about the process and the way of conducting scientific researches in universities. This is the educational model based on research (called Research Based Education - RBE). Through this model, the author has clearly presented the basic contents of a general process of scientific research for teachers, which analyzes nine factors affecting Vietnamese research university in the coming time.

*Keywords:* Educational standards, international education, RBE model, research university, scientific research.